KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	59,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.7%	5.8%	16.7%

DT thuần — *2024*: **1,897** *tỷ VNĐ* — YoY ▲ 32.0 ▲ 1.7%

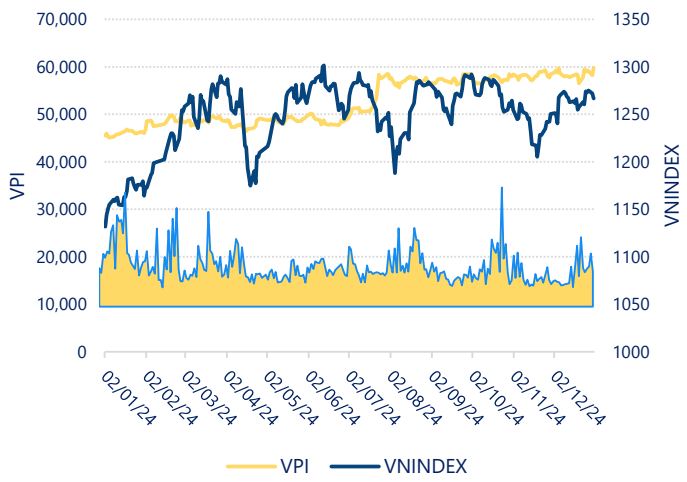
LN gộp — *2024*: **320** *tỷ VNĐ* — YoY ▼ 979 ▼ 75.4%

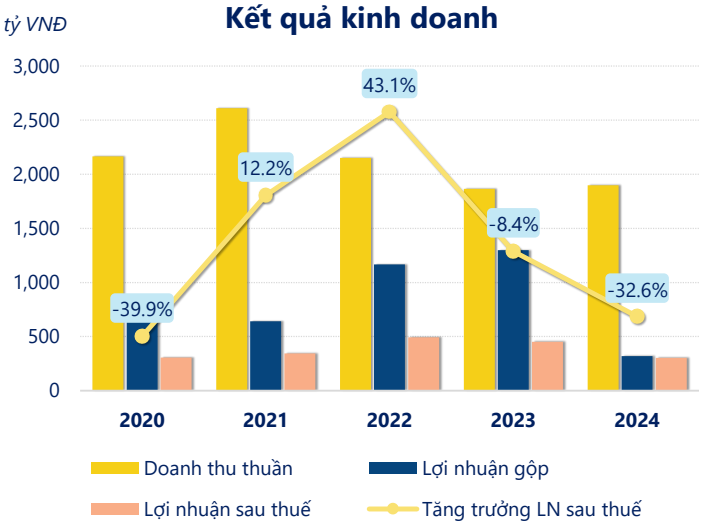
LN thuần — *2024*: **347** *tỷ VNĐ* — YoY ▼ 269 ▼ 43.7%

LN sau thuế — *2024*: **304** *tỷ VNĐ* — YoY ▼ 147 ▼ 32.6%

ROE — 2024: **7.3%** — +/- YoY ▼ 5.6%

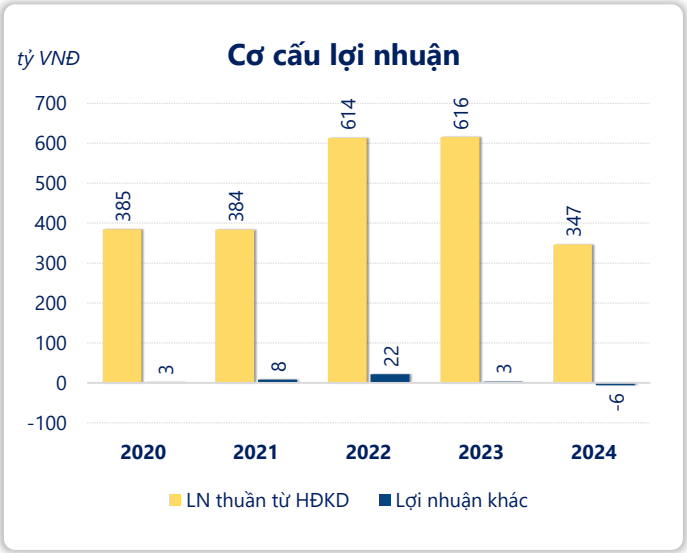
ROA — 2024: **2.8%** — +/- YoY ▼ 1.4%

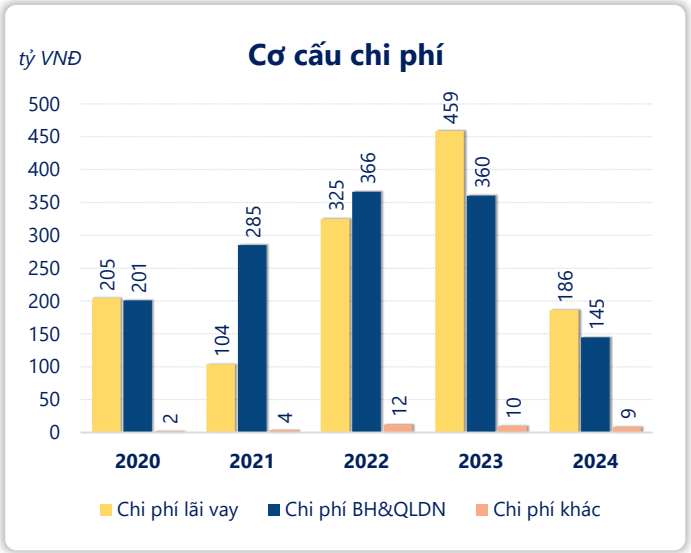




Năm **2024**, **VPI** ghi nhận doanh thu thuần **1,897** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **303.9** tỷ đồng, lần lượt **tăng 1.74%** và **giảm 32.6%** so với năm trước.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **7.27%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

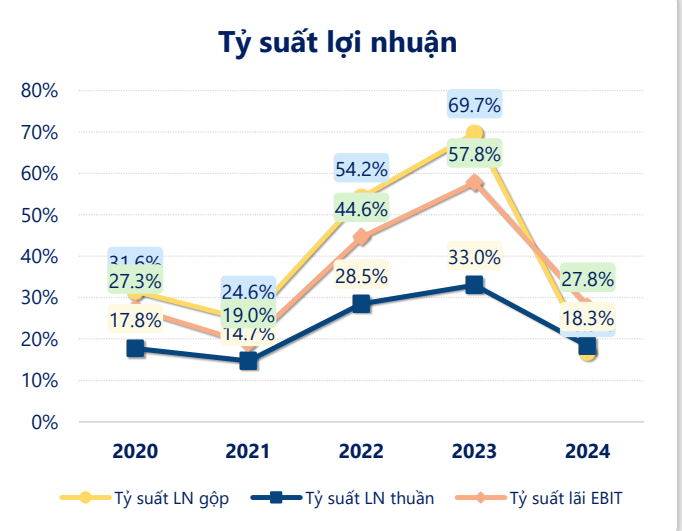


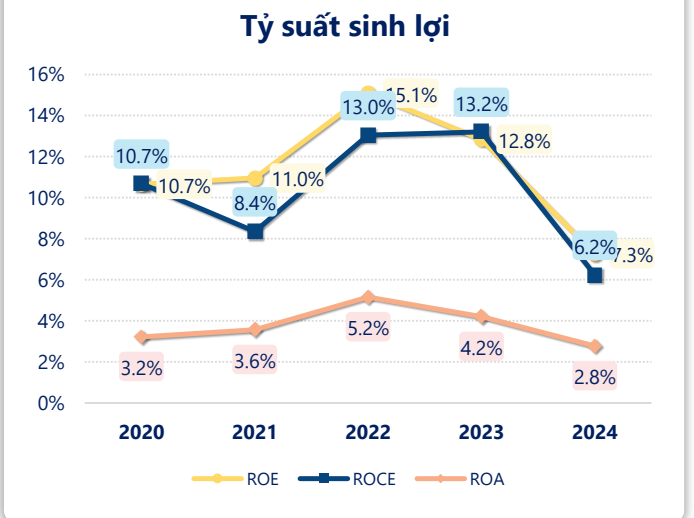


Năm **2024**, **VPI** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **346.7** tỷ đồng, **giảm đi 268.8** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (468.9 tỷ đồng) là 122.2 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

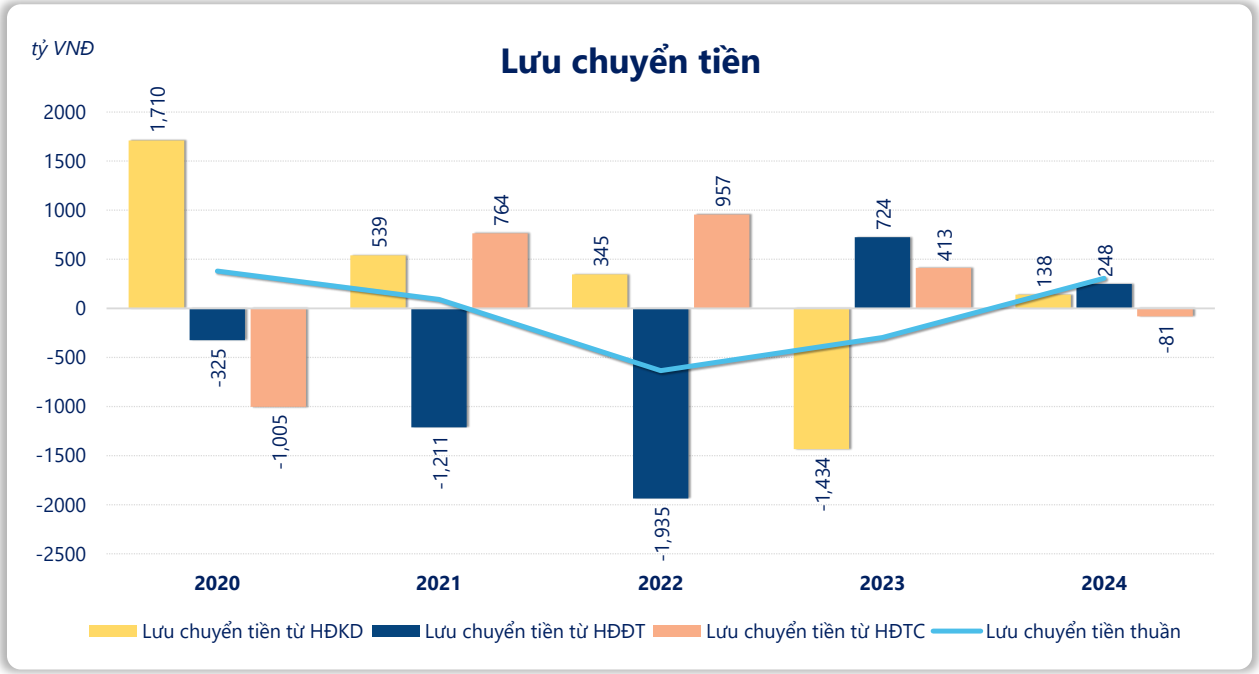
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **186.4** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **144.7** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **8.66** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của VPI năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **7.27%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**2,165**	**2,611**	**2,152**	**1,865**	**1,897**
Giá vốn hàng bán	1,482	1,969	985	566	1,578
Lợi nhuận gộp	**683**	**642**	**1,167**	**1,299**	**320**
Doanh thu HĐTC	107	121	131	110	312
Chi phí TC	212	114	332	465	194
Chi phí lãi vay	**205**	**104**	**325**	**459**	**186**
LN trong công ty LKLD	7.18	20.6	14.4	31.7	53.3
Chi phí bán hàng	78.1	158	120	141	7.47
Chi phí QLDN	123	127	246	219	137
LN thuần từ HĐKD	**385**	**384**	**614**	**616**	**347**
Lợi nhuận khác	2.50	8.31	21.8	2.97	-6.25
LN trước thuế	**387**	**392**	**636**	**618**	**340**
Lợi nhuận sau thuế	**307**	**344**	**492**	**451**	**304**
LNST của CĐ cty mẹ	**301**	**348**	**540**	**496**	**328**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VPI bằng **306.1** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-297.0 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **138.4** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **248.4** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-80.61** tỷ đồng.